

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 181/2024/HS-ST
Ngày: 30-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Nữ

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Cẩm Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Long Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 150/2024/HSST ngày 28 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đình N, sinh ngày 17 tháng 11 năm 1992 tại tỉnh Quảng Trị. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình T và bà Trần Thị T; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Ngày 23/12/2021, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Trị xử phạt 14 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 29/5/2012, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Trị xử phạt 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”; bị bắt, tạm giam ngày 17/7/2023; có mặt.

2. Hoàng Đình K, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2002 tại tỉnh Quảng Trị. Nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đình T và bà Hoàng Thị H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 19/10/2021, bị Công an thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 3.000.000 đồng về hành vi “Sử dụng các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ không có giấy phép”; bị bắt, tạm giam ngày 17/7/2023; có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Anh Đặng Văn H, sinh năm 1989; nơi cư trú: Số 215 N, Khu phố 1, Phường 3, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

2. Chị Lê Thị H, sinh năm 2001; nơi cư trú: Ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Việt C, sinh năm 2005; nơi cư trú: Khu phố 3, Phường 2, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

- *Người làm chứng*: Ông Đoàn Thành N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đình N và Hoàng Đình K quen biết nhau. Khoảng tháng 10/2022, K đến thuê căn hộ số 15.10 thuộc chung cư H, địa chỉ tại Khu phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương để ở; sau đó, N đến ở cùng với K. Quá trình sinh sống, N và K đã 02 lần cùng góp tiền mua ma túy để cùng nhau sử dụng, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào tháng 5/2023 (không rõ ngày), K và N bàn mỗi người góp 500.000 đồng mua ma túy; sau khi thống nhất, N dùng điện thoại Iphone 12 ProMax, gắn sim số thuê bao 0934.718.678 của N gọi cho người tên “B” hỏi mua 1.000.000 đồng ma túy, loại hồng phiến. Khoảng 03 ngày sau, N nhận được điện thoại của nhà xe khách nói đến bến xe A, địa chỉ tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh để nhận hàng từ tỉnh Quảng Trị gửi vào; N biết ma túy đặt mua đã được B gửi vào nên nói K thuê Shipper (người vận chuyển hàng thuê) đến Bến xe A để nhận hàng. Sau đó, N và K nhận được từ Shipper 01 thùng xốp chứa trái cây bên trên, còn bên dưới có 01 cuộn băng keo màu đen, được quấn tròn, bên trong có 10 viên ma túy. Sau khi nhận được ma túy, N và K cùng nhau sử dụng tại căn hộ số 15.10 thuộc chung cư H được 03 lần thì hết.

Lần thứ hai: Khoảng 15 giờ ngày 15/6/2023, N rủ K cùng nhau góp tiền mua ma túy; K đồng ý. Sau đó, N gọi cho B để mua ma túy nhưng không liên lạc được, N nói K liên hệ mua ma túy của người khác. K sử dụng điện thoại Iphone 12 ProMax, gắn sim số thuê bao 0966.449.903 gọi cho người có tên Facebook là “BN” hỏi mua ma túy, người này đồng ý bán cho K 01 bịch ma túy khoảng 200 viên và báo giá 3.000.000 đồng.

Sau đó, K nói lại số lượng và giá tiền cho N biết, N đồng ý và nói với K mỗi người góp 1.500.000 đồng, do chưa có tiền nên N nói K trả trước, khi nào có tiền N sẽ trả lại. Khoảng 11 giờ ngày 18/6/2023, K nhận được điện thoại của nhà xe khách nói đến Bến xe A để nhận hàng từ tỉnh Quảng Trị gửi vào. Biết là ma túy do BN gửi đến, K thuê Shipper đến Bến xe A trả tiền và nhận hàng mang về chung cư H giao cho K. Khoảng 14 giờ cùng ngày, K được Shipper giao 01 thùng xốp, K trả cho người này số tiền 3.000.000 đồng tiền hàng và 250.000 đồng tiền công rồi mang thùng hàng lên căn hộ số 15.10. Sau đó, K và N kiểm tra thấy bên trên có trái cây, còn bên dưới có 01 cuộn băng keo đen được quấn tròn bên trong có 01 vỏ bao thuốc lá hiệu Craven chứa 01 túi nylon miệng kéo dính bên trong có nhiều viên ma túy. Tiếp đó, N và K để túi

ma túy vào 01 nồi nhôm rồi cất giấu trên kệ bếp. Đến ngày 15/7/2023, N trả cho K số tiền 1.500.000 đồng mua ma túy.

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 16/7/2023, K lấy túi ma túy giấu trên kệ bếp ra cùng N sử dụng, N lấy 01 viên ma túy nghiền nhuyễn bỏ lên tờ giấy bạc rồi dùng bật lửa đốt và dùng ống hút được quấn từ tờ tiền mệnh giá 1000 đồng hút ma túy vào cơ thể, K cũng lấy 01 viên ma túy sử dụng với cách thức như trên. Tiếp đến, cả hai tiếp tục lấy 01 viên ma túy chia nhau sử dụng, sau khi cùng nhau sử dụng hết 03 viên ma túy, K lấy số ma túy còn lại để vào nồi nhôm rồi giấu trên kệ bếp.

Khoảng 23 giờ cùng ngày, anh Đặng Văn H (bạn của N) đến căn hộ ngủ nhờ để sáng đi về quê; chị Lê Thị H (bạn gái của K) cùng em họ của K là Nguyễn Việt C đến chơi và ngủ lại căn hộ. Khoảng 06 giờ ngày 17/7/2023, lực lượng Công an kiểm tra hành chính căn hộ; qua kiểm tra, phát hiện trong phòng của N và H có 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng được quấn thành ống hút; N và K còn chỉ nơi giấu ma túy trong nồi nhôm để trên kệ bếp; lực lượng Công an tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Đình N và Hoàng Đình K và thu giữ số vật chứng, gồm: 01 túi nylon miệng kéo dính chứa 195 viên nén màu hồng; 01 tờ tiền giấy mệnh giá 1.000 đồng được quấn thành ống hút dùng; 01 điện thoại Iphone 12 ProMax, gắn sim số thuê bao 0934.718.678; 01 điện thoại Iphone 12 ProMax, gắn sim số thuê bao 0966.449.903; 01 bao thuốc lá hiệu Craven và 01 nồi nhôm.

Tại Kết luận giám định số 428/KL-KTHS(MT) ngày 21/7/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, kết luận: 195 viên nén màu hồng, đựng trong 01 túi nylon miệng kéo dính, trong 01 bì thư được niêm phong có chữ ký của người bị bắt Nguyễn Đình N, Hoàng Đình K; người chứng kiến Đoàn Thành N; cán bộ niêm phong Lê Đình V và hình dấu đỏ của Công an phường P, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 19,1003 gam.

Đối với các đối tượng tên B và BN là người đã bán ma túy cho Nguyễn Đình N và Hoàng Đình K, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch.

Vật chứng chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, gồm: Khối lượng ma túy hoàn lại sau giám định 18,1313gam, loại Methamphetamine; 01 điện thoại Iphone 12 ProMax, gắn sim số thuê bao 0934.718.678 thu giữ của Nguyễn Đình N; 01 điện thoại Iphone 12 ProMax, gắn sim số thuê bao 0966.449.903 thu giữ của Hoàng Đình K; 01 tờ tiền giấy mệnh giá 1.000 đồng; 01 bao thuốc lá hiệu Craven và 01 nồi nhôm.

Tại Cáo trạng số 151/CT-VKSTDM ngày 27/6/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình N và Hoàng Đình K để xét xử về các tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và Tàng trữ trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 và điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố; đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình N từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình N từ 07 năm đến 08 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; căn cứ điểm a khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Đình K từ 07 năm đến 08 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Đình K từ 06 năm 06 tháng đến 07 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; đề nghị tổng hợp hình phạt để buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt chung; về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy hoàn lại sau giám định, 01 bao thuốc lá hiệu Craven và 01 nồi nhôm; đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà 02 điện thoại Iphone 12 ProMax và 01 tờ tiền giấy mệnh giá 1.000 đồng.

Tại phiên tranh luận, các bị cáo Nguyễn Đình N và Hoàng Đình K không tranh luận với Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt và mức hình phạt đã đề nghị. Anh Nguyễn Việt C không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Nguyễn Đình N nói lời sau cùng: Bị cáo thấy việc làm của mình là sai trái, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Hoàng Đình K nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận về việc làm của mình, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, vật chứng của vụ án, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản xác định hiện trường, kết luận giám định khối lượng mẫu vật, loại chất ma túy và các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở xác định: Vào tháng 5/2023 và ngày 16/7/2023, tại căn hộ số 15.10 của Chung cư H, thuộc Khu phố 3, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, Nguyễn Đình N và Hoàng Đình K đã có hành vi góp tiền mua ma túy về cùng nhau sử dụng nhiều lần; ngày 17/7/2023, qua kiểm tra Công an còn phát hiện Nguyễn Đình N và Hoàng Đình K đang giấu 19,1003 gam ma túy, loại Methamphetamine để nhằm mục đích sử dụng. Như vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo

Nguyễn Đình N và Hoàng Đình K để xét xử về các tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và Tàng trữ trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 và điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Về nhận thức, các bị cáo biết hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng vì mục đích cá nhân nên các bị cáo đã thực hiện; do đó, các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây tác hại xấu đến trật tự công cộng và an toàn xã hội. Loại ma túy mà các bị cáo tổ chức sử dụng trái phép và tàng trữ là Methamphetamine, đây là loại độc dược gây nghiện, có nhiều tác hại cho sức khỏe con người. Vì vậy, với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, phải có mức hình phạt tương xứng, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt; đồng thời, để răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về vai trò đồng phạm: Các bị cáo cùng góp tiền mua ma túy, cùng nhau sử dụng và cùng nhau tàng trữ ma túy để sử dụng không có sự phân công chặt chẽ, thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, bị cáo N là người khởi xướng, rủ bị cáo K phạm tội, nên bị cáo N có vai trò chính trong vụ án.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đình N: Tái phạm, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Hoàng Đình K không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện là rất nghiêm trọng, nên đề nghị của Viện Kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo là tương xứng, đúng pháp luật.

[9] Đối với người tên B và BN đã bán ma túy cho N và K; do chưa xác định được nhân thân, lai lịch, nên khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

[10] Về vật chứng của vụ án: Cần tịch thu tiêu hủy số ma túy hoàn lại sau giám định, 01 bao thuốc lá hiệu Craven và 01 nồi nhôm; cần tịch thu sung vào ngân sách nhà 02 điện thoại Iphone 12 ProMax và 01 tờ tiền giấy mệnh giá 1.000 đồng.

[11] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 260, Điều 290, 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình N và Hoàng Đình K phạm các tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về trách nhiệm hình sự:

2.1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình N 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình N 07 (bảy) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Tổng hợp hình phạt của hai tội. Buộc bị cáo Nguyễn Đình N phải chấp hành hình phạt chung là 14 (mười bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 17/7/2023.

2.2. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Hoàng Đình K 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Hoàng Đình K 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Tổng hợp hình phạt của hai tội. Buộc bị cáo Hoàng Đình K phải chấp hành hình phạt chung là 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 17/7/2023.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 bì thư được niêm phong ghi số 428/PC09, có chữ ký của người bị bắt Nguyễn Đình N, Hoàng Đình K, cán bộ trả mẫu Nhan Thái H, cán bộ nhận mẫu Nguyễn Ngọc H; có hình dấu tròn đỏ của Công an phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương và dấu tròn đỏ niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương. Theo Kết luận giám định số 428/PC09 ngày

21/7/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương thì bên trong chứa 18,1313 gam ma túy, loại Methamphetamine; 01 bao thuốc lá nhãn hiệu Craven, bên trong không có gì và 01 nồi nhôm.

Tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 bì thư niêm phong có ghi số 1000 đồng (một nghìn đồng) có đóng dấu tròn đỏ của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, có chữ ký của Nguyễn Nam P, Lưu Thị Huyền N, Nguyễn Lương N, Nguyễn Văn T bên trong bì thư có chứa: 01 tờ tiền giấy mệnh giá 1000 đồng (một nghìn đồng); 01 điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone 12 ProMax bị nứt màn hình, số Imei 354245333186933, gắn sim số thuê bao 0934.718.678 (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động) và 01 điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone 12 ProMax, số Imei 35040848 8467113, gắn sim số thuê bao 0966.449.903 (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động);

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 083.24 ngày 26/02/2024 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Đình N và Hoàng Đình K mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Sở Tư Pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Trường